

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 21-6-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 591/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tăng Thị Mỹ L, sinh năm 1992; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc Vũ B, sinh năm 1988; xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H L, xã A H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Tăng Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Trảng Bàng vào năm 2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh B nhưng kinh tế của vợ, chồng độc lập với cha, mẹ anh B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân do anh B không lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ, con. Chị dọn ra ngoài thuê nhà trọ sống và vợ

chồng ly thân từ tháng 5-2016 đến nay. Năm 2016, chị nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau đó rút đơn lại nhưng vợ chồng vẫn không chung sống lại và tiếp tục ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Nhật Phúc K, sinh ngày 31-3-2014 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc Vũ B trình bày:

Nhận thấy, anh B thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Vợ chồng ly thân từ tháng 5-2016 là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân chị L bỏ nhà đi nơi khác sống là do chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Nhật Phúc K, sinh ngày 31-3-2014, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tăng Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn anh Trần Ngọc Vũ B.

Về con chung: Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Nhật Phúc K, sinh ngày 31-3-2014. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Ngọc Vũ B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Trảng Bàng vào năm 2012. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 5-2016 đến nay. Năm 2016, chị L đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau đó rút đơn lại nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Qua đó, cho thấy hôn nhân của chị L và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu ly hôn và anh B cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Trần Nhật Phúc K, sinh ngày 31-3-2014 đang sống với chị L. Chị L và anh B thỏa thuận giao chị L tiếp tục nuôi cháu K. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi cháu K. Hiện tại, cháu K vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi cháu K. Vì vậy, giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Tăng Thị Mỹ L được ly hôn anh Trần Ngọc Vũ B.

2. Về con chung: Giao chị Tăng Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật Phúc K, sinh ngày 31-3-2014. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Tăng Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009291 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị L đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã A H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Dũng